



PRODUCT Catalogue

PRODUCT Catalogue

CÔNG TY CP SX&TM XINGFA ALUMINIUM

📍 Số 07, đường Bằng Lăng 2, KĐT Handico,
P.Vinh Tân, Tp.Vinh, Nghệ An.

☎ 08.28.28.08.08

CONTENT

GIỚI THIỆU JVC ALUMINIUM

NĂNG LỰC SẢN XUẤT

HỆ THỐNG SẢN PHẨM

- HỆ 55 VÁT CẠNH

- HỆ XINGFA

- HỆ THỦY LỰC

- HỆ VIỆT PHÁP

- HỆ LÙA 55 RAY INOX

- HỆ LÙA 90

- HỆ LÙA 120

- HỆ VÁCH MẶT DỰNG



**QUÁ TRÌNH
HÌNH THÀNH
VÀ PHÁT TRIỂN
THƯƠNG HIỆU
JVC ALUMINIUM**

Với gần 20 năm kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, phân phối nhôm thanh định hình trong xây dựng. Hệ thống dây chuyền sản xuất hiện đại được nhập khẩu từ các nước Châu Âu như Đức, Thụy Sĩ chuyên sản xuất ra những sản phẩm nhôm cao cấp sử dụng trong các chung cư cao cấp, các tòa nhà văn phòng, các biệt thự sang trọng, đẳng cấp quốc tế. Sản phẩm được sản xuất tại khu KCN Tân Quang, Văn Lâm, Hưng Yên. Hàng năm nhà máy cung cấp ra thị trường sản lượng khoảng 10.000 tấn/ năm các sản phẩm ở phân khúc cao cấp

Sản phẩm nhà máy sản xuất hướng tới thị trường nước và vươn lên xuất khẩu đi quốc tế. Các quy trình sản từ khâu đầu vào đến đầu ra được kiểm soát chất chẽ nhất để sản phẩm tới tay khách hàng tiêu dùng hoàn mỹ nhất.

Nhà máy luôn coi trọng con người là nền tảng nhân tố quyết định sự thành công của doanh nghiệp. Nhà máy có đội ngũ kỹ sư, công nhân lành nghề được đào tạo bài bản cũng như được hướng dẫn trực tiếp của các chuyên gia nước ngoài. Đội ngũ nhân viên bán hàng có kỹ năng chuyên nghiệp và tinh thần trách nhiệm cao. Nhà máy được Viện nghiên cứu ISS cấp chứng chỉ ISO 9001:2015 về sản xuất. Sản phẩm nhà máy cũng đạt về tiêu chuẩn chất lượng phù hợp với chứng nhận quy chuẩn quốc gia QCVN 16:2017/BXD.

Với chính sách "**Chất lượng sản phẩm là sự sống còn của công ty**" nhà máy sản xuất đang từng bước khẳng định vị thế của mình trên thị trường thông qua các chi nhánh, kênh phân phối và các đại lý toàn quốc.



MÁY ĐÙN ÉP 1250T



KHO PHÔI BILET NHẬP KHẨU



MÁY ĐÙN ÉP 1000T



KHO PHÔI BILET NHẬP KHẨU



KHO KHUÔN MẪU



LÒ HOÁ GIÀ SẢN PHẨM



CHUYÊN MÁY 1000T



CHUYÊN MÁY 1250T



KHO THÀNH PHẨM 1



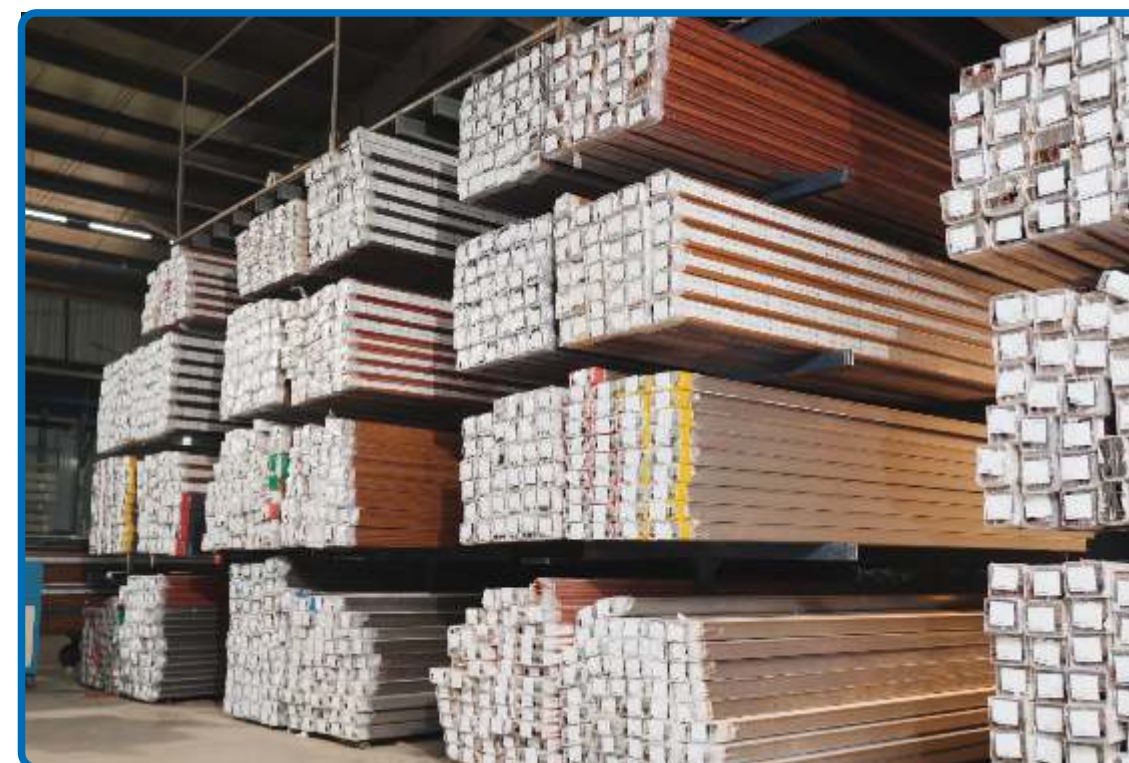
ĐỘI XE VẬN CHUYỂN HÀNG



KHO THÀNH PHẨM 2



KHO THÀNH PHẨM THÔ



KHO THÀNH PHẨM 3

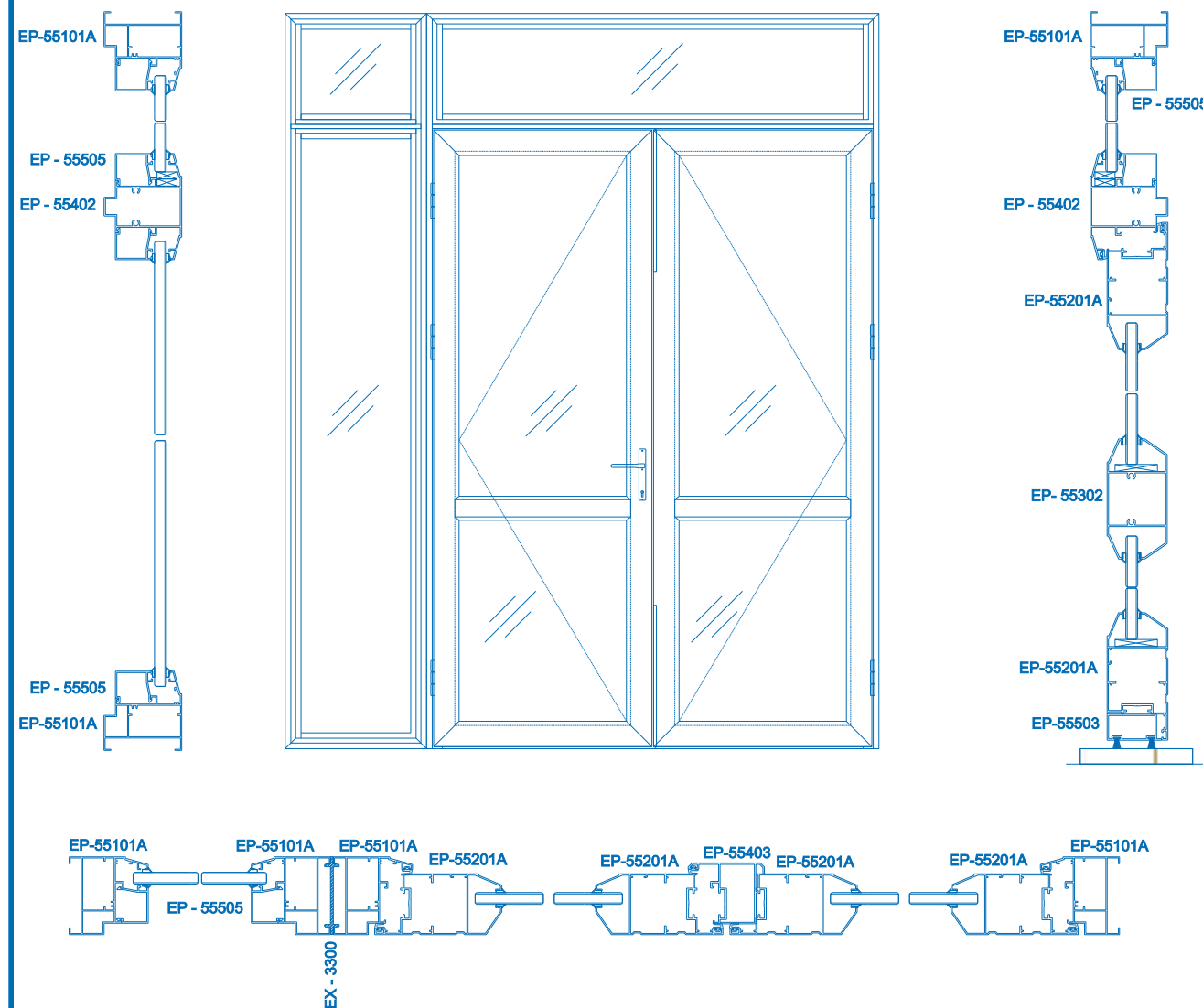
HỆ 55 VÁT CẠNH

KHUNG BAO			CÁNH CỬA ĐI			CÁNH CỬA SỔ		
Mã số	Độ dày (mm±5%)	Trọng lượng (Kg/6m±5%)	Mã số	Độ dày (mm±5%)	Trọng lượng (Kg/6m±5%)	Mã số	Độ dày (mm±5%)	Trọng lượng (Kg/6m±5%)
EP-55101K	1.2	4.8	EP-55201A	0.9	4.8	EP-55301A	0.8	4.0
EP-55101A	0.8	3.6	EP-55201K	1.2	6.0	EP-55301K	1.2	5.2
KHUNG BAO LIỀN PHẪO			CÁNH CỬA ĐI			CÁNH CỬA SỔ		
Mã số	Độ dày (mm±5%)	Trọng lượng (Kg/6m±5%)	Mã số	Độ dày (mm±5%)	Trọng lượng (Kg/6m±5%)	Mã số	Độ dày (mm±5%)	Trọng lượng (Kg/6m±5%)
EP-55101D	1.0	6.8	EP-55201G	1.4	6.9	EP-55301G	1.2	5.5
CÁNH CỬA ĐI BẮN LỚN			ĐỒ CHIA CÁNH CÓ VÍT			ĐỒ CHIA CÁNH KHÔNG VÍT		
Mã số	Độ dày (mm±5%)	Trọng lượng (Kg/6m±5%)	Mã số	Độ dày (mm±5%)	Trọng lượng (Kg/6m±5%)	Mã số	Độ dày (mm±5%)	Trọng lượng (Kg/6m±5%)
EU-55201D	1.0	7.0	EP-55302A	1.0	5.4	EP-55302	1.0	5.0
CÁNH CỬA ĐI BẮN LỚN			ĐỒ CHIA CÁNH BẮN NHỎ			ĐỒ CHIA KHUNG		
Mã số	Độ dày (mm±5%)	Trọng lượng (Kg/6m±5%)	Mã số	Độ dày (mm±5%)	Trọng lượng (Kg/6m±5%)	Mã số	Độ dày (mm±5%)	Trọng lượng (Kg/6m±5%)
EU-55201D	1.0	7.0	EP-55302S	1.0	4.2	EP-55402	1.1	4.6

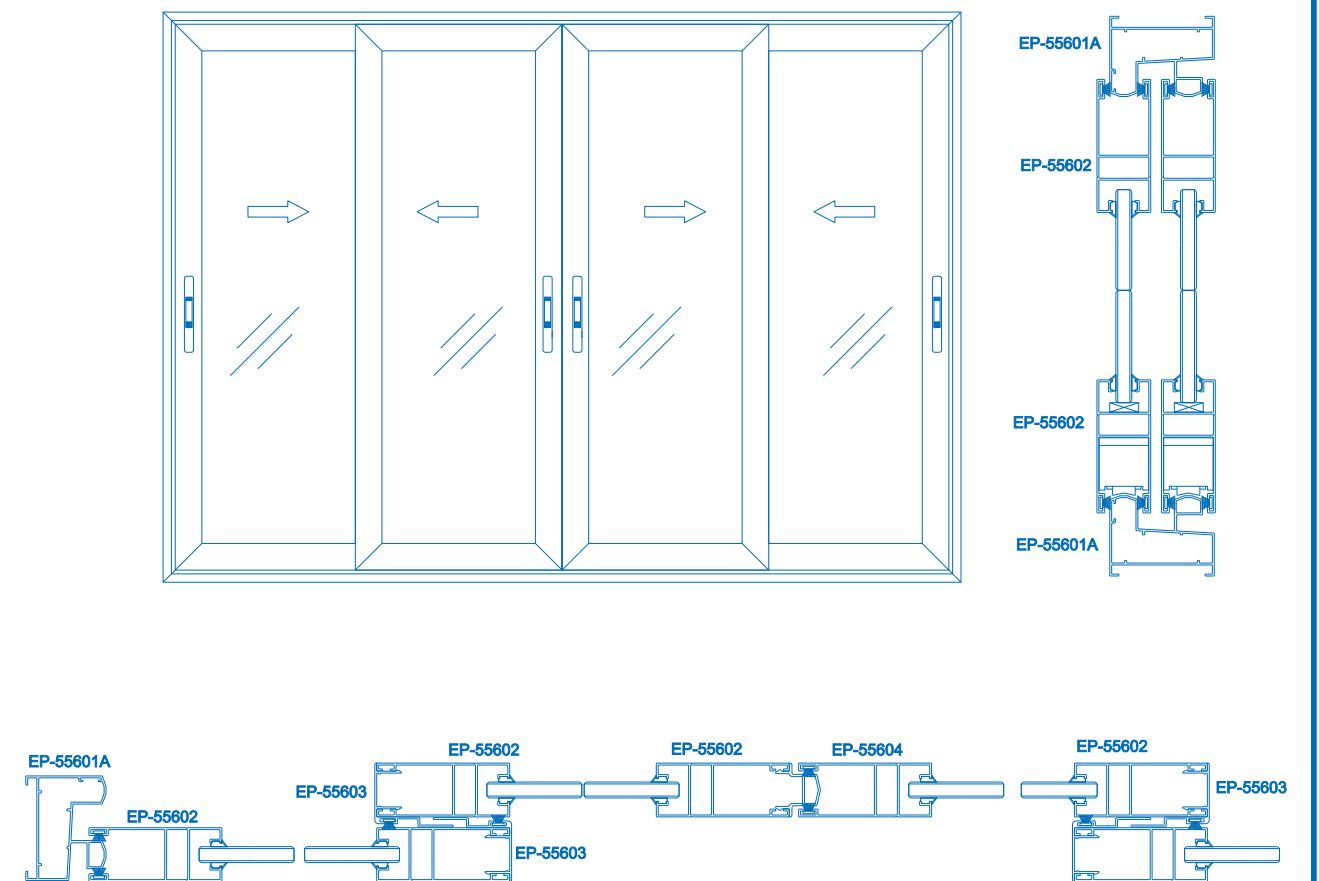
HỆ 55 VÁT CẠNH

ĐỒ ĐỘNG			ỐP CHÂN CÁNH			PHẪO 01		
Mã số	Độ dày (mm±5%)	Trọng lượng (Kg/6m±5%)	Mã số	Độ dày (mm±5%)	Trọng lượng (Kg/6m±5%)	Mã số	Độ dày (mm±5%)	Trọng lượng (Kg/6m±5%)
EP-55403	1.0	3.5	EP-55503	1.0	1.9	EP-P01	1.0	1.8
LÁ HỘ CÓ GÂN			LÁ HỘ PHẪNG			NỆP KÍNH		
Mã số	Độ dày (mm±5%)	Trọng lượng (Kg/6m±5%)	Mã số	Độ dày (mm±5%)	Trọng lượng (Kg/6m±5%)	Mã số	Độ dày (mm±5%)	Trọng lượng (Kg/6m±5%)
EP-0019G	0.5	1.9	EP-0019	0.6	2.0	EP-55505	1.0	1.2
KHUNG BAO CỬA LỬA			CÁNH CỬA LỬA			ỐP MÓC CỬA LỬA		
Mã số	Độ dày (mm±5%)	Trọng lượng (Kg/6m±5%)	Mã số	Độ dày (mm±5%)	Trọng lượng (Kg/6m±5%)	Mã số	Độ dày (mm±5%)	Trọng lượng (Kg/6m±5%)
EP-55601A	1.0	4.1	EP-55602	1.0	3.8	EP-55603	1.0	1.8
KHUNG BAO CỬA LỬA			CÁNH CỬA LỬA			HÈM CỬA		
Mã số	Độ dày (mm±5%)	Trọng lượng (Kg/6m±5%)	Mã số	Độ dày (mm±5%)	Trọng lượng (Kg/6m±5%)	Mã số	Độ dày (mm±5%)	Trọng lượng (Kg/6m±5%)
EP-55601A	1.0	4.1	EP-55602	1.0	3.8	EP-55604	1.2	1.6

HƯỚNG DẪN LẮP ĐẶT HỆ 55 VÁT CẠNH



HƯỚNG DẪN LẮP ĐẶT HỆ 55 VÁT CẠNH



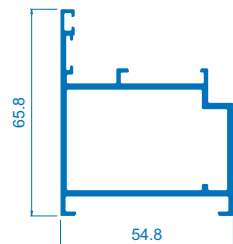
HỆ XINGFA



HỆ XINGFA

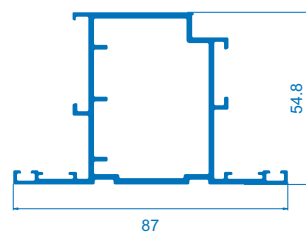
Mã số	Mặt cắt	Độ dày (mm±5%)	Trọng lượng (Kg/m±5%)	Mã số	Mặt cắt	Độ dày (mm±5%)	Trọng lượng (Kg/m±5%)
EUXF-C3328A		1.4	5.3	EUXF C3313		1.4	6.0
EUXF-C3328D		2.0	7.4	EU-DE 55		1.1	1.9
EUXF-C3303A		1.4	6.5	EUXF-C3286		1.0	1.3
EUXF-C3303D		2.0	8.6	EUXF C3295		1.0	1.6
EUXF-C3332A		1.4	6.5	EUXF-C3296		0.9	1.3
EUXF-C3332D		2.0	8.6	EX-3326		2.0	7.1
EUXF-3318M		1.2	4.6	EX-3300		2.0	2.3
EUXF-C3318		1.4	5.0	EUXF-C3323A		1.2	4.6
EUXF-C3202M		1.2	5.5	EUXF-C3319		1.2	3.5
EUXF-C3202		1.4	6.1	EUXF-3329		1.5	2.6
EUXF-C3304A		1.4	9.1	EUXF-C3208		1.2	4.2
EUXF-C3304D		1.8	10.9				
EUXF-C3209		1.4	4.8				
EUXF-C3203		1.4	5.7				

HỆ XINGFA



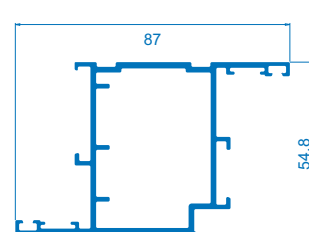
KHUNG BAO CỬA ĐI

Mã số	Độ dày (mm±5%)	Trọng lượng (Kg/6m±5%)
EUXF-C3328A	1.4	5.3
EUXF-C3328D	2.0	7.4



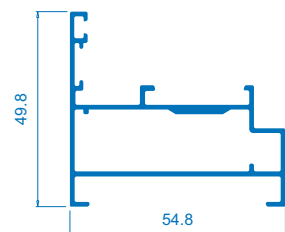
CÁNH CỬA ĐI MỞ NGOÀI

Mã số	Độ dày (mm±5%)	Trọng lượng (Kg/6m±5%)
EUXF-C3303A	1.4	6.5
EUXF-C3303D	2.0	8.6



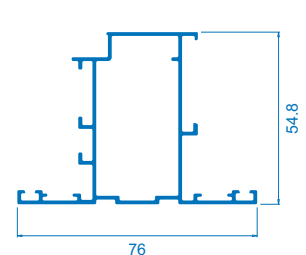
CÁNH CỬA ĐI MỞ TRONG

Mã số	Độ dày (mm±5%)	Trọng lượng (Kg/6m±5%)
EUXF-C3332A	1.4	6.5
EUXF-C3332D	2.0	8.6



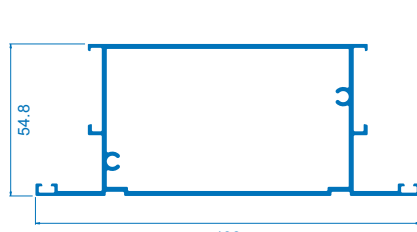
KHUNG CỬA SỔ

Mã số	Độ dày (mm±5%)	Trọng lượng (Kg/6m±5%)
EUXF-3318M	1.2	4.6
EUXF-C3318	1.4	5.0



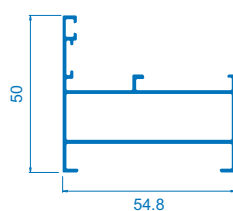
CÁNH CỬA SỔ

Mã số	Độ dày (mm±5%)	Trọng lượng (Kg/6m±5%)
EUXF-C3202M	1.2	5.5
EUXF-C3202	1.4	6.1



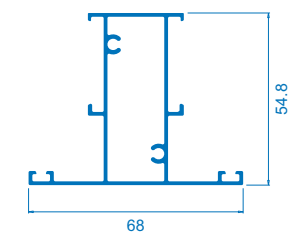
NGANG CÁNH CỬA ĐI

Mã số	Độ dày (mm±5%)	Trọng lượng (Kg/6m±5%)
EUXF-C3304A	1.4	9.1
EUXF-C3304D	1.8	10.9



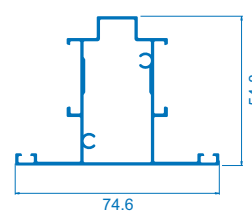
KHUNG VÁCH

Mã số	Độ dày (mm±5%)	Trọng lượng (Kg/6m±5%)
EUXF-C3209	1.4	4.8



ĐỒ CHIA CÁNH

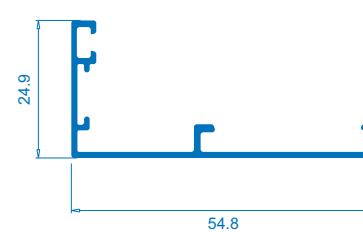
Mã số	Độ dày (mm±5%)	Trọng lượng (Kg/6m±5%)
EUXF-C3203	1.4	5.7



ĐỒ CHIA KHUNG

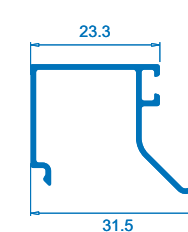
Mã số	Độ dày (mm±5%)	Trọng lượng (Kg/6m±5%)
EUXF C3313	1.4	6.0

HỆ XINGFA



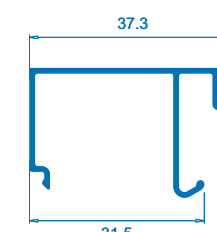
ĐỂ VÁCH

Mã số	Độ dày (mm±5%)	Trọng lượng (Kg/6m±5%)
EU-DE 55	1.1	1.9



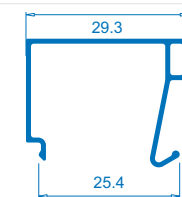
SẬP KÍNH HỘP

Mã số	Độ dày (mm±5%)	Trọng lượng (Kg/6m±5%)
EUXF-C3286	1.0	1.3



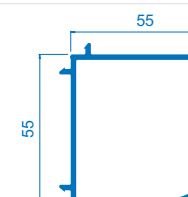
NỆP CÁNH

Mã số	Độ dày (mm±5%)	Trọng lượng (Kg/6m±5%)
EUXF C3295	1.0	1.6



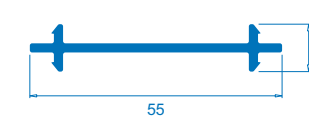
NỆP KHUNG

Mã số	Độ dày (mm±5%)	Trọng lượng (Kg/6m±5%)
EUXF-C3296	0.9	1.3



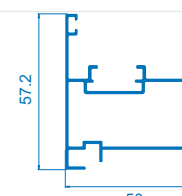
CHUYỂN GÓC 90

Mã số	Độ dày (mm±5%)	Trọng lượng (Kg/6m±5%)
EX-3326	2.0	7.1



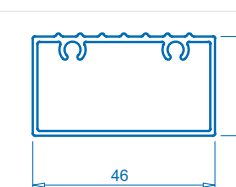
I NỐI KHUNG

Mã số	Độ dày (mm±5%)	Trọng lượng (Kg/6m±5%)
EX-3300	2.0	2.3



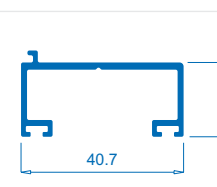
ĐỒ ĐỘNG DỪNG CHUNG

Mã số	Độ dày (mm±5%)	Trọng lượng (Kg/6m±5%)
EUXF-C3323A	1.2	4.6



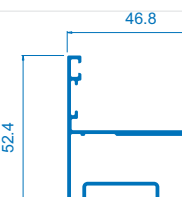
NGƯỠNG CỬA ĐI

Mã số	Độ dày (mm±5%)	Trọng lượng (Kg/6m±5%)
EUXF-C3319	1.2	3.3



ỐP CHÂN CÁNH CỬA ĐI

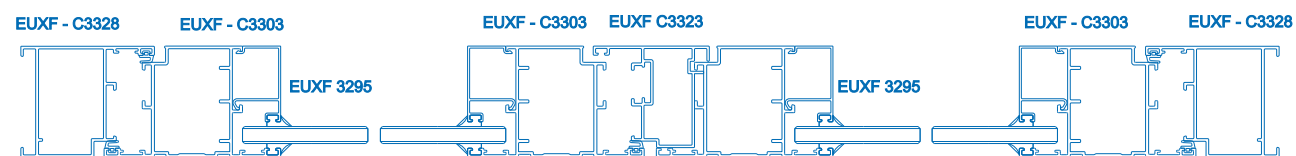
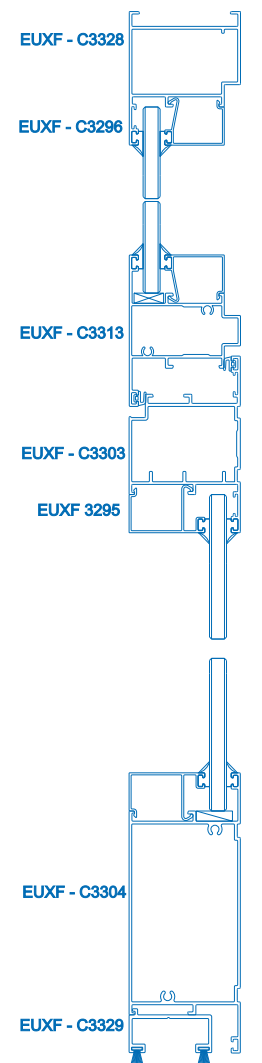
Mã số	Độ dày (mm±5%)	Trọng lượng (Kg/6m±5%)
EUXF-3329	1.5	2.6



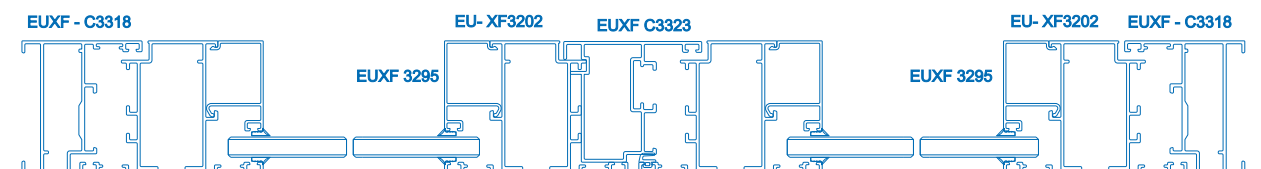
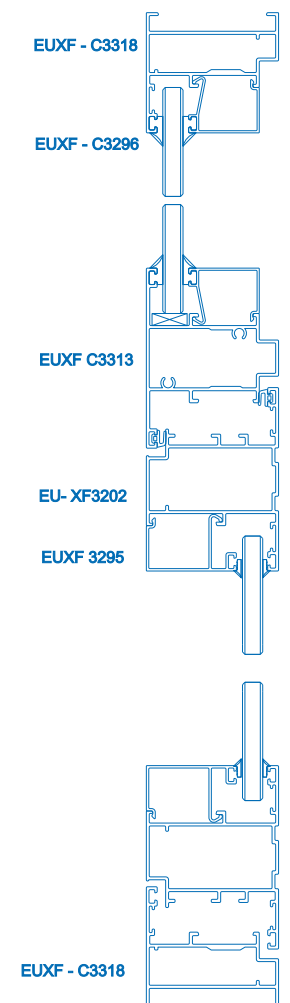
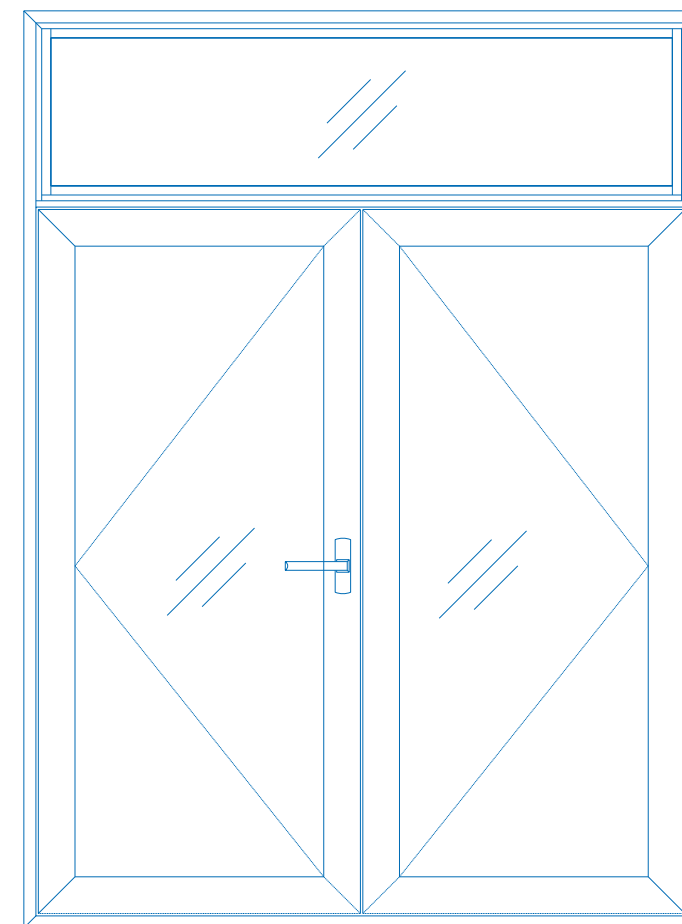
ĐÀO KHUÔN

Mã số	Độ dày (mm±5%)	Trọng lượng (Kg/6m±5%)
EUXF-C3208	1.2	4.2

HƯỚNG DẪN LẮP ĐẶT HỆ 55 XINGFA



HƯỚNG DẪN LẮP ĐẶT HỆ 55 XINGFA



HỆ THỦY LỰC

KHUNG BAO 200			KHUNG BAO 120			ĐỂ VÁCH		
Mã số	Độ dày (mm±5%)	Trọng lượng (Kg/6m±5%)	Mã số	Độ dày (mm±5%)	Trọng lượng (Kg/6m±5%)	Mã số	Độ dày (mm±5%)	Trọng lượng (Kg/6m±5%)
EU-KTL200	2.1	17.0	EU-KTL12	2.0	11.0	EU-TL.DV	1.2	2.1
CÁN ĐI BẮN 180			CÁN ĐI BẮN 140			ỐP CÁN		
Mã số	Độ dày (mm±5%)	Trọng lượng (Kg/6m±5%)	Mã số	Độ dày (mm±5%)	Trọng lượng (Kg/6m±5%)	Mã số	Độ dày (mm±5%)	Trọng lượng (Kg/6m±5%)
EU-TL.CD18N	2.0	18.3	EU-TL.CD13	1.9	14.0	EU-TL.OP	1.3	1.9
PHẪO 01			PHẪO 02			PHẪO 03		
Mã số	Độ dày (mm±5%)	Trọng lượng (Kg/6m±5%)	Mã số	Độ dày (mm±5%)	Trọng lượng (Kg/6m±5%)	Mã số	Độ dày (mm±5%)	Trọng lượng (Kg/6m±5%)
EU-TL01	1.0	3.6	EU-TL02	1.0	1.9	EU-TLP03	1.0	2.1

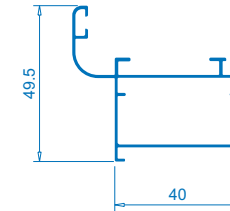
HỆ THỦY LỰC

SẬP VÁCH 25			SẬP VÁCH 12			SẬP CÁN 12		
Mã số	Độ dày (mm±5%)	Trọng lượng (Kg/6m±5%)	Mã số	Độ dày (mm±5%)	Trọng lượng (Kg/6m±5%)	Mã số	Độ dày (mm±5%)	Trọng lượng (Kg/6m±5%)
EU-TL.SV25	0.9	0.9	EU-TLP.SV	0.9	0.8	EU-TL.SC12B	1.3	2.2
SẬP CÁN 25			KE KHUNG BAO 45					
Mã số	Độ dày (mm±5%)	Trọng lượng (Kg/6m±5%)	Mã số	Độ dày (mm±5%)	Trọng lượng (Kg/6m±5%)			
EU-TL.SC25	1.3	1.9	EU-KE45	2.0	3.3			

HỆ VIỆT PHÁP

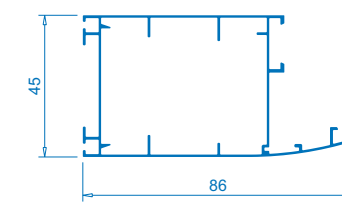


HỆ VIỆT PHÁP



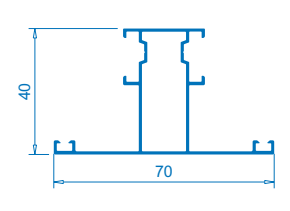
KHUNG BAO CỬA ĐI

Mã số	Độ dày (mm±5%)	Trọng lượng (Kg/6m±5%)
EU-VP450	0.9	0.565



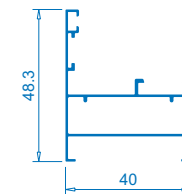
CÁNH CỬA ĐI

Mã số	Độ dày (mm±5%)	Trọng lượng (Kg/6m±5%)
EU-VP4451	0.8	0.735



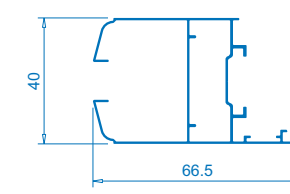
ĐỔ T

Mã số	Độ dày (mm±5%)	Trọng lượng (Kg/6m±5%)
EU-VP4405	1.0	0.604



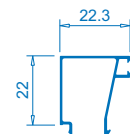
KHUNG BAO CỬA SỔ

Mã số	Độ dày (mm±5%)	Trọng lượng (Kg/6m±5%)
EU-VP4420	0.8	0.436



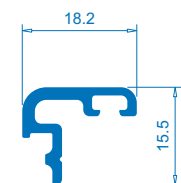
CÁNH CỬA SỔ

Mã số	Độ dày (mm±5%)	Trọng lượng (Kg/6m±5%)
EU-VP4410	0.8	0.564



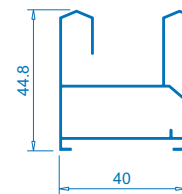
NỆP KÍNH

Mã số	Độ dày (mm±5%)	Trọng lượng (Kg/6m±5%)
EU-VP5016	0.8	0.200



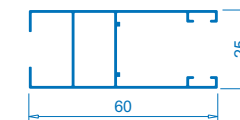
HÈM CỬA ĐI

Mã số	Độ dày (mm±5%)	Trọng lượng (Kg/6m±5%)
EU-VP4504	2.0	0.202



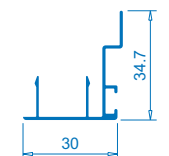
KHUNG BAO CỬA LỬA

Mã số	Độ dày (mm±5%)	Trọng lượng (Kg/6m±5%)
EU-VP4821	0.9	0.546



CÁNH CỬA LỬA

Mã số	Độ dày (mm±5%)	Trọng lượng (Kg/6m±5%)
EU-VP4824	0.9	0.512



ÓP MÓC CÁNH CỬA LỬA

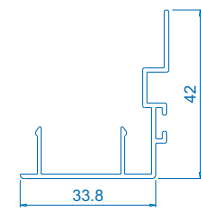
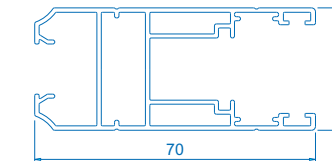
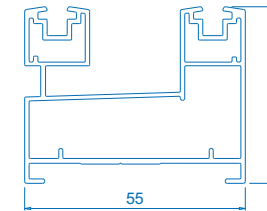
Mã số	Độ dày (mm±5%)	Trọng lượng (Kg/6m±5%)
EU-VP4822	1.0	0.286

HỆ LÒA 55 RAY INOX

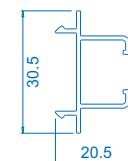
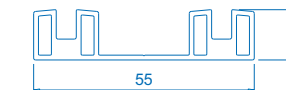
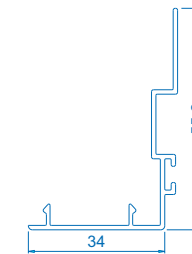


HỆ LỬA 55 RAY INOX

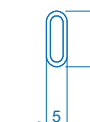
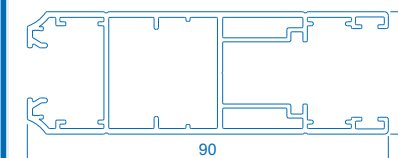
HỆ LỬA 55 RAY INOX



KHUNG BAO			CẢNH SỔ			ỐP MÓC CẢNH CỬA SỔ		
Mã số	Độ dày (mm±5%)	Trọng lượng (Kg/6m±5%)	Mã số	Độ dày (mm±5%)	Trọng lượng (Kg/6m±5%)	Mã số	Độ dày (mm±5%)	Trọng lượng (Kg/6m±5%)
EU-KLV55	1.2	5.8	EU-CLV70	1.1	5.3	EU-OMV55	1.1	2.0

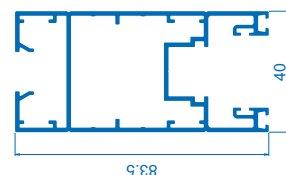
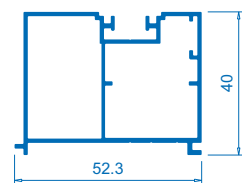
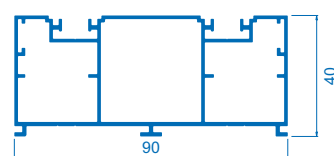


ỐP MÓC CÁNH CỬA ĐI			RAY BẰNG			HÈM CỬA LỬA		
Mã số	Độ dày (mm±5%)	Trọng lượng (Kg/6m±5%)	Mã số	Độ dày (mm±5%)	Trọng lượng (Kg/6m±5%)	Mã số	Độ dày (mm±5%)	Trọng lượng (Kg/6m±5%)
EU-OMV90	1.1	2.1	EU-RBCLV 90	1.2	4.4	EU-HCLV	1.0	1.3



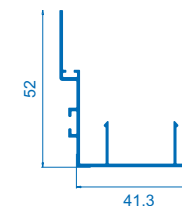
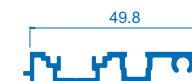
CÁNH ĐI			RAY INOX					
Mã số	Độ dày (mm±5%)	Trọng lượng (Kg/6m±5%)	Mã số	Độ dày (mm±5%)	Trọng lượng (Kg/6m±5%)	Mã số	Độ dày (mm±5%)	Trọng lượng (Kg/6m±5%)
EU-CLV90	1.4	7.2						

HỆ LỬA 90

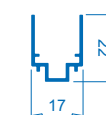
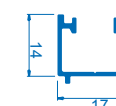
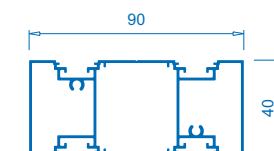


KHUNG BAO			NỐI KHUNG BAO			CÁNH CỬA LỬA		
Mã số	Độ dày (mm±5%)	Trọng lượng (Kg/6m±5%)	Mã số	Độ dày (mm±5%)	Trọng lượng (Kg/6m±5%)	Mã số	Độ dày (mm±5%)	Trọng lượng (Kg/6m±5%)
EUVL-KB80	1.4	8.1	EUVL-KB80A	1.4	4.7	EUVL-CL80	1.5	8.8

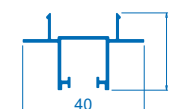
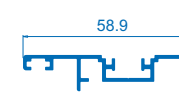
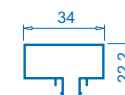
HỆ LỬA 90



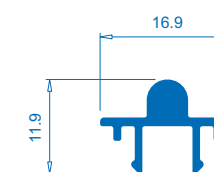
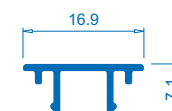
RAY DƯỚI			NỐI RAY BẰNG			ÓP MÓC 80		
Mã số	Độ dày (mm±5%)	Trọng lượng (Kg/6m±5%)	Mã số	Độ dày (mm±5%)	Trọng lượng (Kg/6m±5%)	Mã số	Độ dày (mm±5%)	Trọng lượng (Kg/6m±5%)
EUVL-RB80	1.6	4.6	EUVL-RB80A	1.6	2.6	EUVL-OM80	1.2	2.6



KHUNG BAO VÁCH			THANH U			RAY DẪN TRÊN		
Mã số	Độ dày (mm±5%)	Trọng lượng (Kg/6m±5%)	Mã số	Độ dày (mm±5%)	Trọng lượng (Kg/6m±5%)	Mã số	Độ dày (mm±5%)	Trọng lượng (Kg/6m±5%)
EUVL-KV911	1.2	6.9	EUVL-U914	1.0	1.0	EUVL-RT110	1.2	1.2

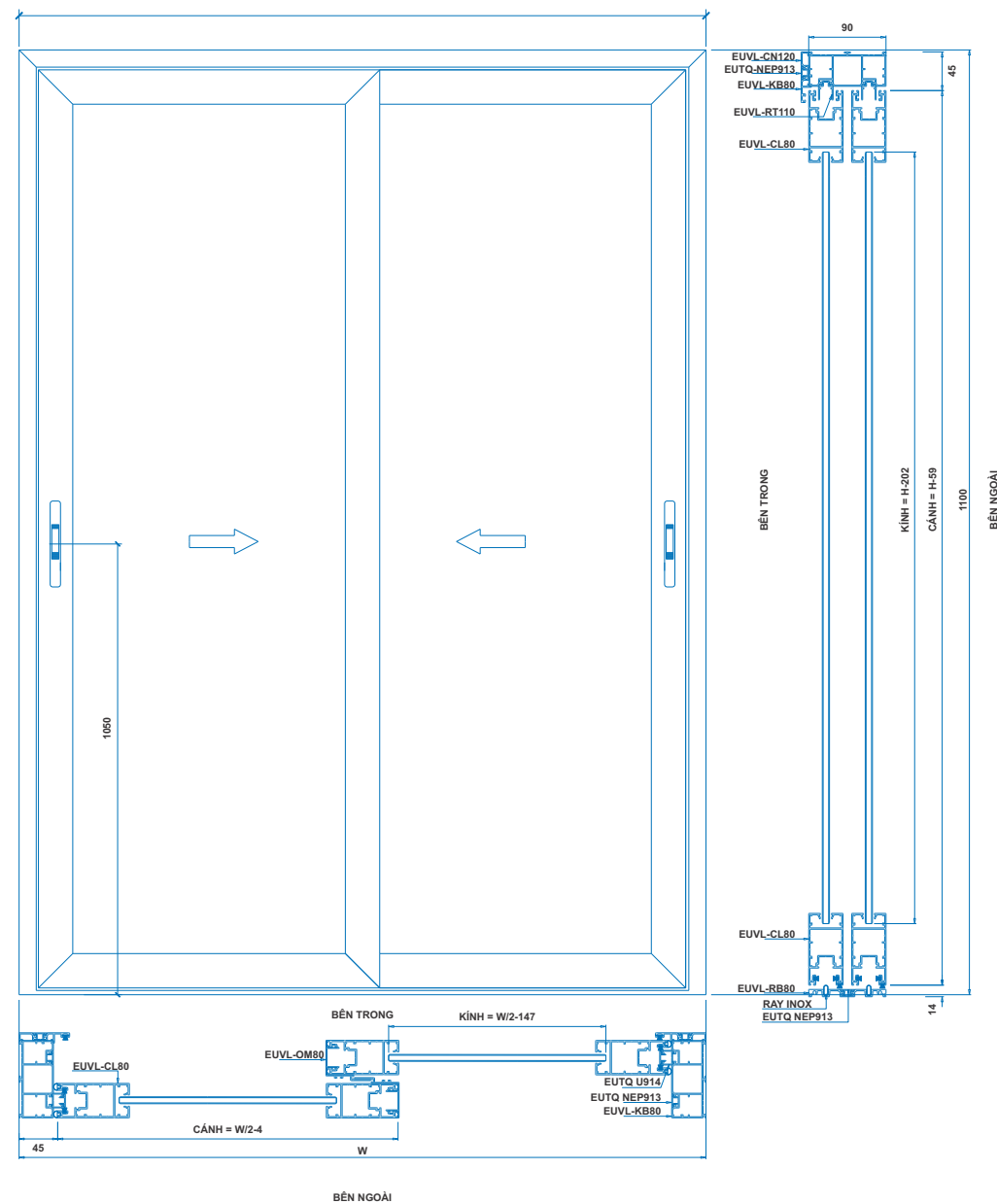


SẬP VÁCH			THANH CHẶN NƯỚC 80			HÈM CÁNH 80		
Mã số	Độ dày (mm±5%)	Trọng lượng (Kg/6m±5%)	Mã số	Độ dày (mm±5%)	Trọng lượng (Kg/6m±5%)	Mã số	Độ dày (mm±5%)	Trọng lượng (Kg/6m±5%)
EUVL-SV912	1.0	1.7	EUVL-CN120	1.3	2.6	EUVL-HC80	1.2	1.9

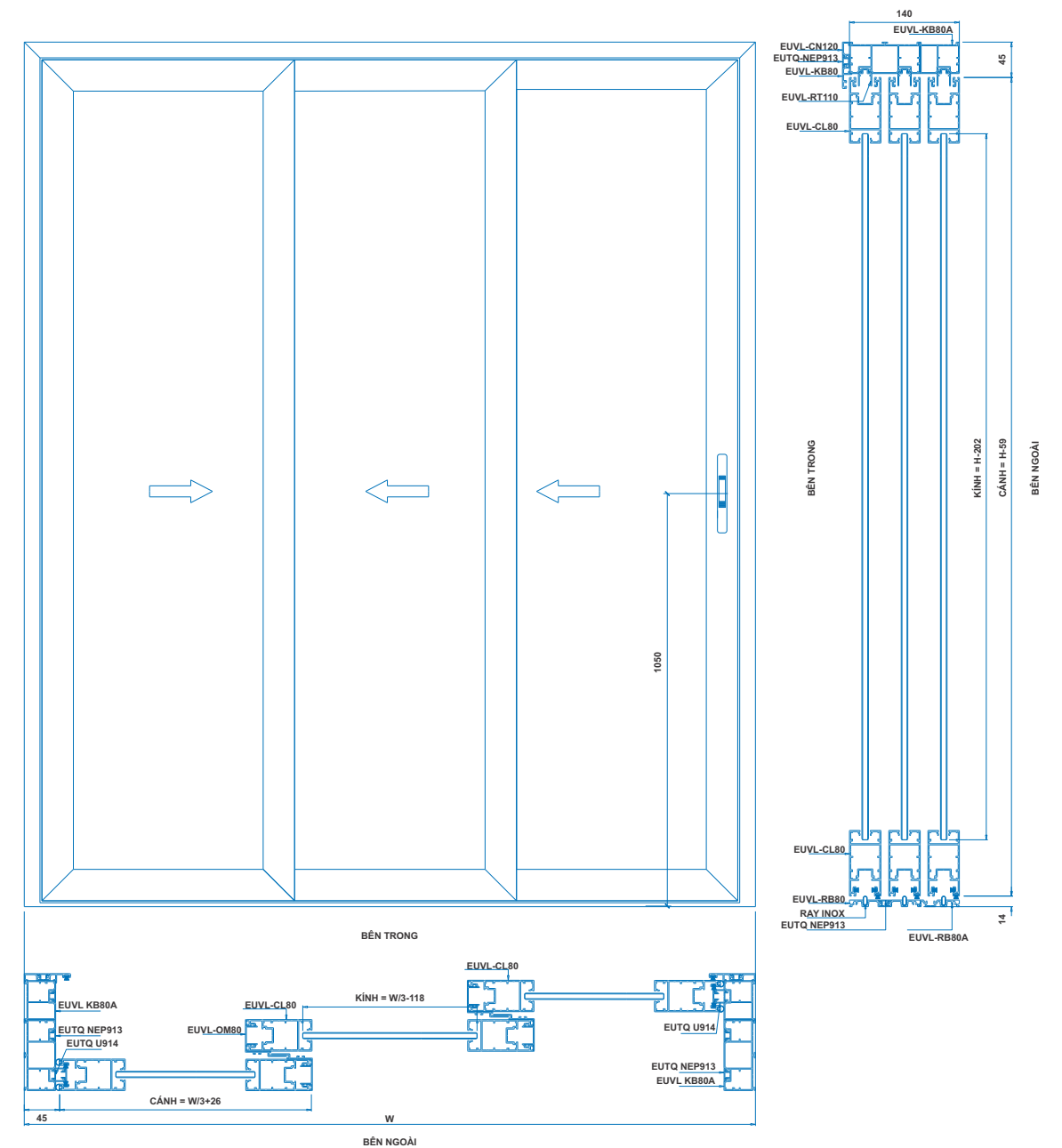


NỆP CHE VÍT			RAY DƯỚI					
Mã số	Độ dày (mm±5%)	Trọng lượng (Kg/6m±5%)	Mã số	Độ dày (mm±5%)	Trọng lượng (Kg/6m±5%)	Mã số	Độ dày (mm±5%)	Trọng lượng (Kg/6m±5%)
EUVL-NEP913	1.0	0.5	EUVL-RD110		1.0			

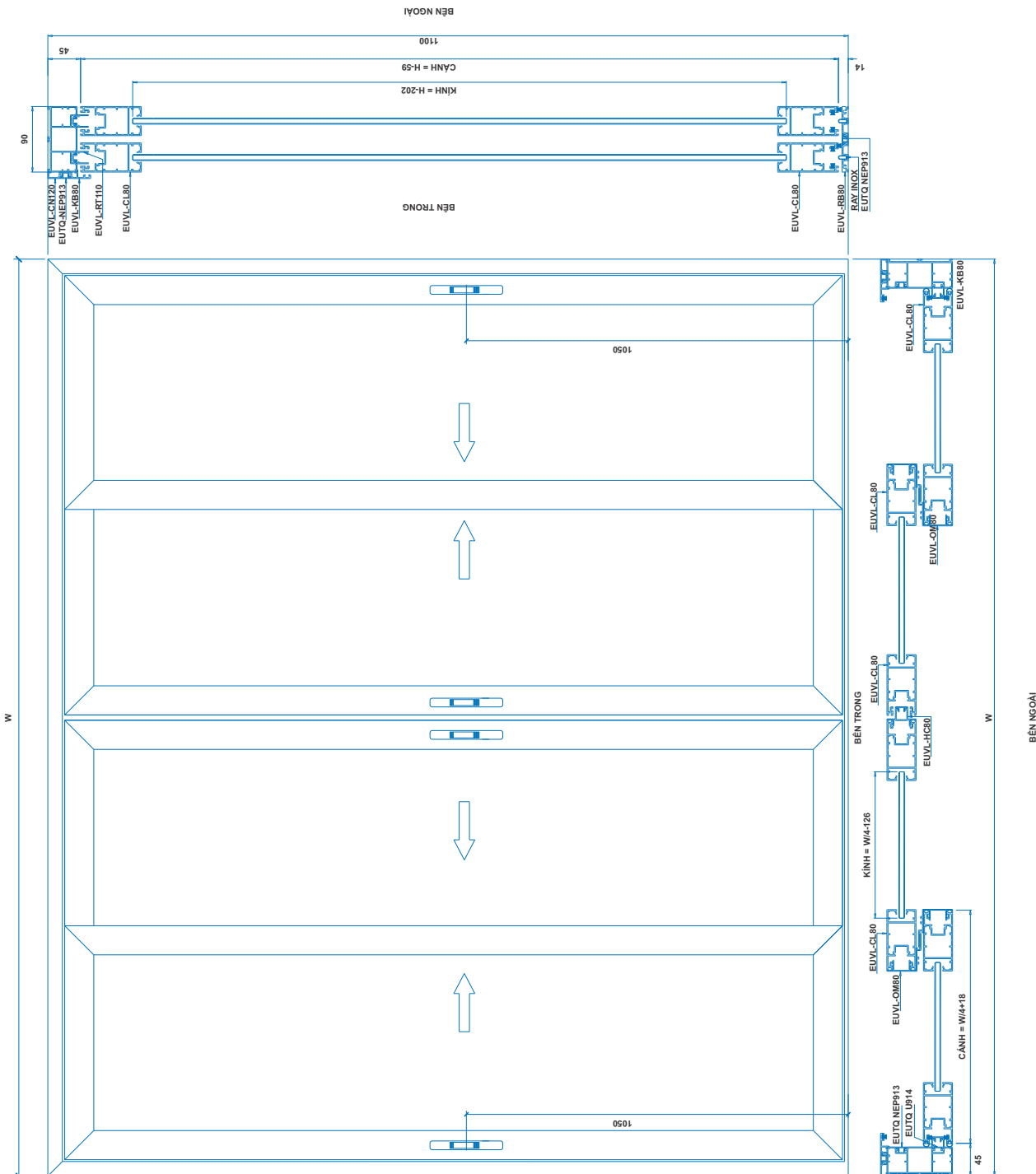
HƯỚNG DẪN LẮP ĐẶT HỆ LÙA 90



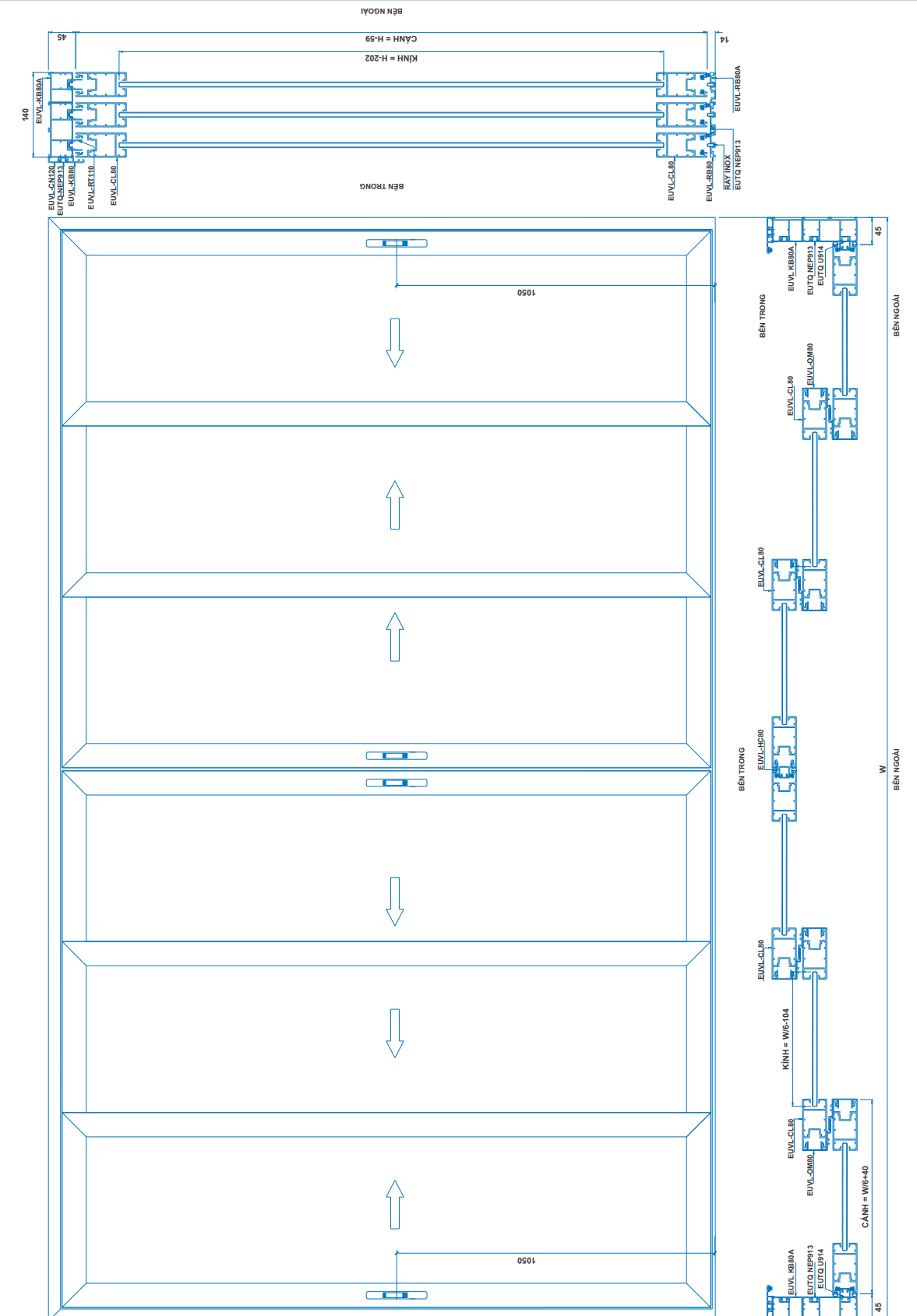
HƯỚNG DẪN LẮP ĐẶT HỆ LÙA 90



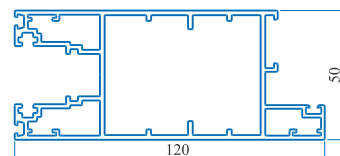
HƯỚNG DẪN LẮP ĐẶT HỆ LÙA 90



HƯỚNG DẪN LẮP ĐẶT HỆ LỬA 90

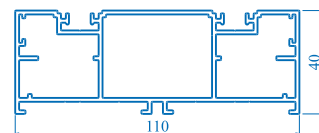


HỆ LỬA 120



CÁNH CỬA LỬA

Mã số	Độ dày (mm±5%)	Trọng lượng (Kg/6m±5%)
EUVL-CLD120	1.8	13.2



KHUNG BAO CỬA LỬA

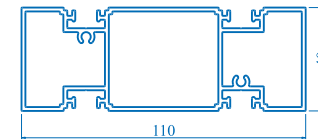
Mã số	Độ dày (mm±5%)	Trọng lượng (Kg/6m±5%)
EUVL-KB110	1.5	10.8



RAY BĂNG CỬA ĐI

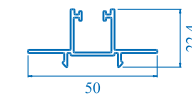
Mã số	Độ dày (mm±5%)	Trọng lượng (Kg/6m±5%)
EUVL-RB110	1.6	5.0

HỆ LỬA 120



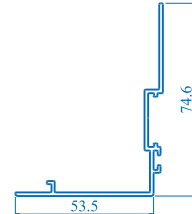
KHUNG BAO VÁCH

Mã số	Độ dày (mm±5%)	Trọng lượng (Kg/6m±5%)
EUVL-KV110	1.5	11



HÈM CỬA LỬA

Mã số	Độ dày (mm±5%)	Trọng lượng (Kg/6m±5%)
EUVL-HC120	1.2	2.0



ÓP MÓC CỬA LỬA

Mã số	Độ dày (mm±5%)	Trọng lượng (Kg/6m±5%)
EUVL-OM120	1.4	3.5



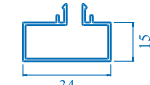
KHUNG BAO CỬA LỬA

Mã số	Độ dày (mm±5%)	Trọng lượng (Kg/6m±5%)
EUVL-RT120	1.2	1.2



U14

Mã số	Độ dày (mm±5%)	Trọng lượng (Kg/6m±5%)
U14	0.168	1.0



SẠP KHUNG BAO VÁCH

Mã số	Độ dày (mm±5%)	Trọng lượng (Kg/6m±5%)
EUTQ-SV912	1.0	1.6



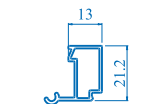
NỆM CHE VÍT

Mã số	Độ dày (mm±5%)	Trọng lượng (Kg/6m±5%)
EUTQ-NEP913	1.0	0.5



NỆM CHE VÍT

Mã số	Độ dày (mm±5%)	Trọng lượng (Kg/6m±5%)
EUTQ-NEP 915	1.2	0.5



NỆM KÍNH HỘP 23

Mã số	Độ dày (mm±5%)	Trọng lượng (Kg/6m±5%)
EUVL-SC23	1.0	1.3



NỆM KÍNH ĐƠN

Mã số	Độ dày (mm±5%)	Trọng lượng (Kg/6m±5%)
EUVL-SC13	1.0	1.5

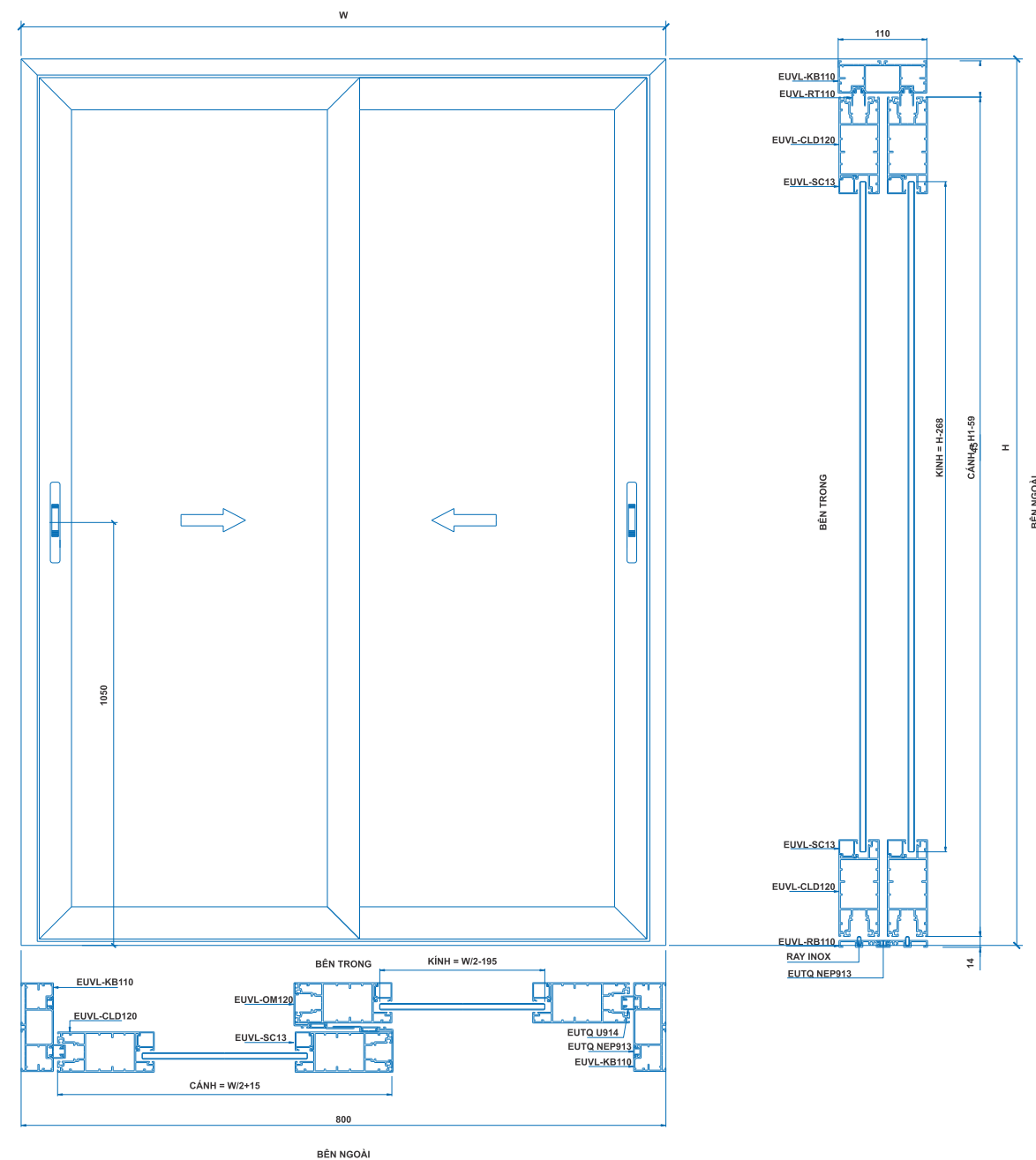


RAY INOX

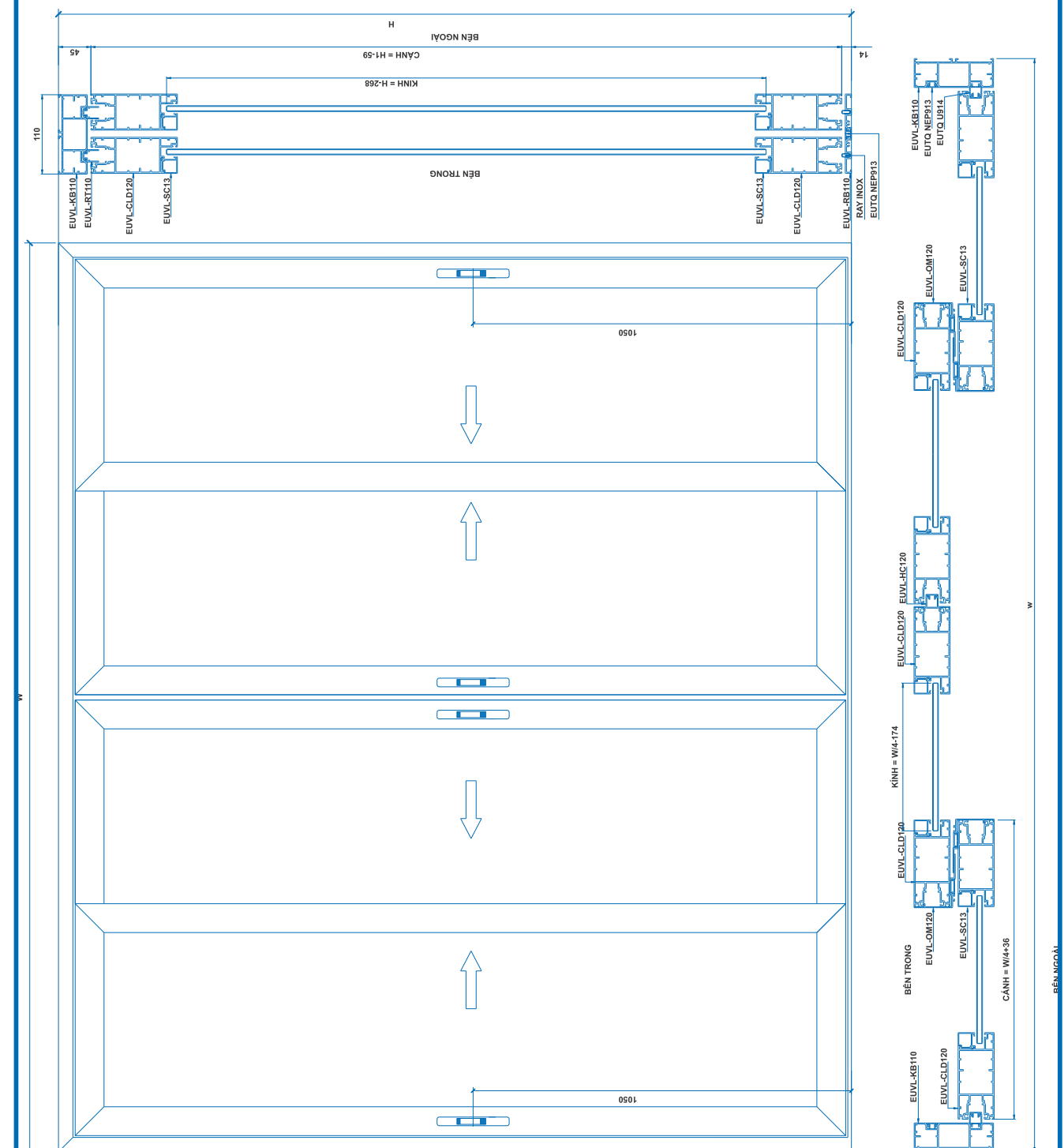
Mã số	Độ dày (mm±5%)	Trọng lượng (Kg/6m±5%)

Mã số	Độ dày (mm±5%)	Trọng lượng (Kg/6m±5%)

HƯỚNG DẪN LẮP ĐẶT HỆ LỬA 120



HƯỚNG DẪN LẮP ĐẶT HỆ LỬA 120



HỆ VÁCH DỰNG

VÁCH Mặt dựng



THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Thanh Profile: Nhôm thanh định hình hệ vách dựng

Màu sắc: Trắng sứ, café, ghi, đen, vân gỗ...

Kích thước: Lựa chọn theo kích thước thực tế khuôn cửa

ĐẶC ĐIỂM NỔI BẬT

- Phù hợp với kiến trúc hiện đại, thích hợp với nhiều loại công trình như trung tâm thương mại, chung cư, khách sạn, tòa nhà...
- Được lắp ghép từ các thanh nhôm profile cao cấp có cấu tạo khoang rỗng có các đường gân trụ lực nên tạo thành hình khối vững chắc, an toàn.
- Có thể kết hợp cửa mở hất để lấy gió mà vẫn phải đảm bảo độ an toàn tuyệt đối cho người sử dụng.
- Có tính cách âm, cách nhiệt và độ kín khít cao chịu được mưa to, gió lớn...
- Hệ vách lộ đỡ và giấu đỡ có độ bền cao, không cong vênh lão hóa theo thời gian.
- Bề mặt khung nhôm được sơn tĩnh điện ngoài trời cao cấp nên dễ dàng vệ sinh lau chùi bảo dưỡng.



MẪU GÓC NHÔM LỘ ĐỖ



MẪU GÓC NHÔM GIẤU ĐỖ

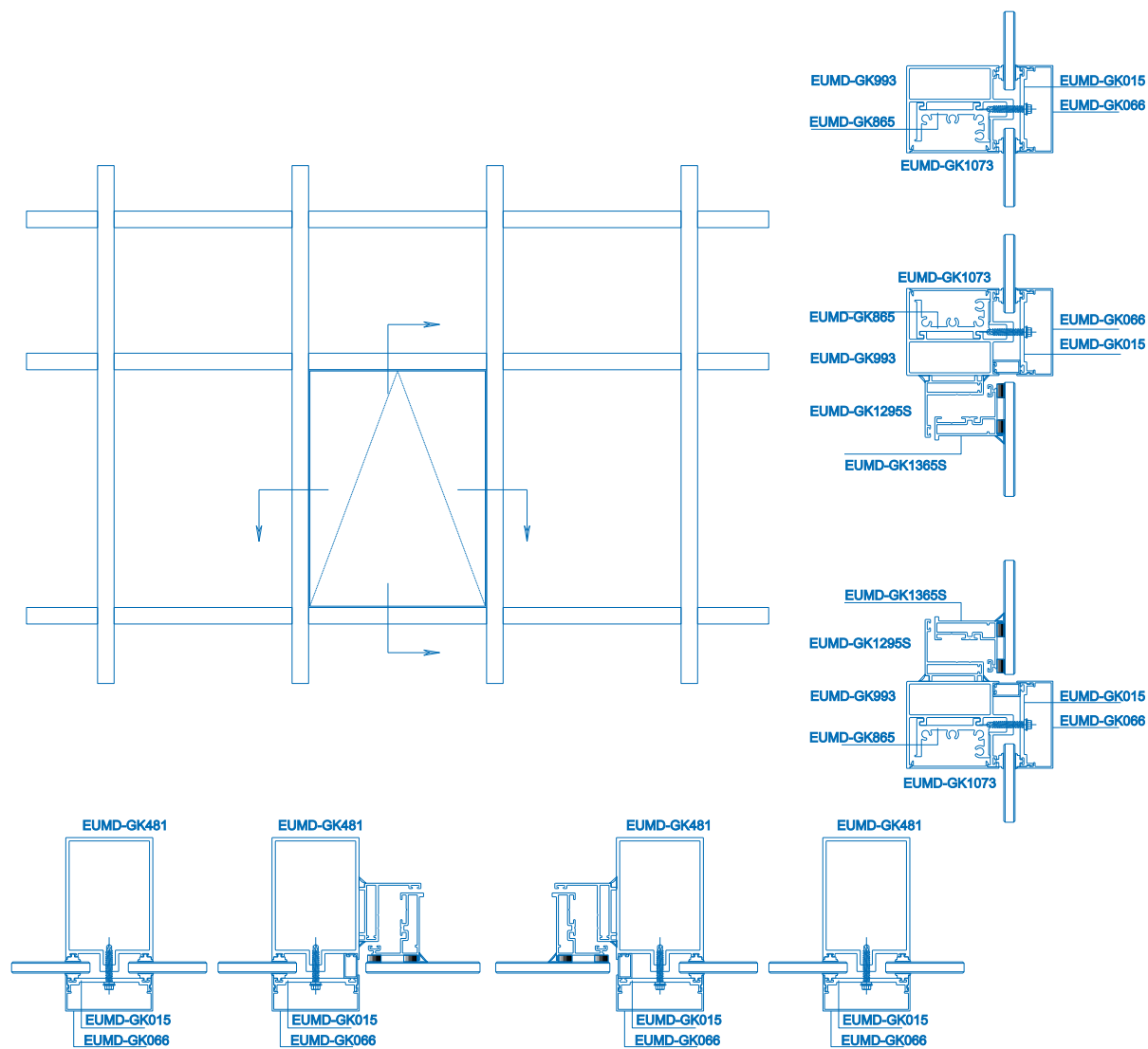
HỆ VÁCH MẶT DỪNG

ĐỔ ĐỨNG MẶT DỪNG 65			ĐỔ ĐỨNG MẶT DỪNG 65			ĐỔ NGANG MẶT DỪNG 65		
Mã số	Độ dày (mm±5%)	Trọng lượng (Kg/6m±5%)	Mã số	Độ dày (mm±5%)	Trọng lượng (Kg/6m±5%)	Mã số	Độ dày (mm±5%)	Trọng lượng (Kg/6m±5%)
EUMD-GK531	2.6	20	EUMD-GK481	2.5	14.0	EUMD-GK993	2.0	11.0
NỆP KÍNH 65			ỚP NGOÀI MẶT DỪNG 65			ỚP ĐỔ NGANG MẶT DỪNG 65		
Mã số	Độ dày (mm±5%)	Trọng lượng (Kg/6m±5%)	Mã số	Độ dày (mm±5%)	Trọng lượng (Kg/6m±5%)	Mã số	Độ dày (mm±5%)	Trọng lượng (Kg/6m±5%)
EUMD-GK015	3.0	3.5	EUMD-GK066	1.2	2.5	EUMD-GK1073	1.5	1.7
KHUNG CỬA SỔ MẶT DỪNG 50			CÁNH CỬA SỔ MẶT DỪNG 50			KE LIÊN KẾT		
Mã số	Độ dày (mm±5%)	Trọng lượng (Kg/6m±5%)	Mã số	Độ dày (mm±5%)	Trọng lượng (Kg/6m±5%)	Mã số	Độ dày (mm±5%)	Trọng lượng (Kg/6m±5%)
EUMD-GK1295	1.5	4.6	EUMD-GK1365	1.5	4.9	EUMD-GK865		7.6
KHUNG CỬA SỔ MẶT DỪNG 43.5			CÁNH CỬA SỔ MẶT DỪNG 43.5					
Mã số	Độ dày (mm±5%)	Trọng lượng (Kg/6m±5%)	Mã số	Độ dày (mm±5%)	Trọng lượng (Kg/6m±5%)			
EUMD-GK1295S	1.5	4.2	EUMD-GK1365S	1.5	4.6			

HỆ VÁCH MẶT DỪNG

MẶT DỪNG 52x100			MẶT DỪNG 52x73			KE NỐI ĐỔ MẶT DỪNG 52		
Mã số	Độ dày (mm±5%)	Trọng lượng (Kg/6m±5%)	Mã số	Độ dày (mm±5%)	Trọng lượng (Kg/6m±5%)	Mã số	Độ dày (mm±5%)	Trọng lượng (Kg/6m±5%)
EUMD-52100	2.0	10.3	EUMD-5273	1.7	7.2	EUMD-KND48	2.8	6.2
CÁNH SỔ MẶT DỪNG 52			KHUNG CỬA SỔ MẶT DỪNG 52			NỆP CHỈ MẶT DỪNG 52		
Mã số	Độ dày (mm±5%)	Trọng lượng (Kg/6m±5%)	Mã số	Độ dày (mm±5%)	Trọng lượng (Kg/6m±5%)	Mã số	Độ dày (mm±5%)	Trọng lượng (Kg/6m±5%)
EUMD-CS70	1.4	5.5	EUMD-KBCS	1.4	3.5	EUMD-NG20	1.4	0.8
KHUNG CHỚP			KHUNG CHỚP			LÁ CHỚP		
Mã số	Độ dày (mm±5%)	Trọng lượng (Kg/6m±5%)	Mã số	Độ dày (mm±5%)	Trọng lượng (Kg/6m±5%)	Mã số	Độ dày (mm±5%)	Trọng lượng (Kg/6m±5%)
EUXF-E1283A	1.2	1.7	EUXF-E1283T	1.2	1.9	EUXF-E192	1.2	2.0

HƯỚNG DẪN LẮP ĐẶT HỆ VÁCH MẶT DUNG



HƯỚNG DẪN LẮP ĐẶT HỆ VÁCH MẶT DUNG

